

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến giảm của TTCK toàn cầu

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng nhẹ, tương đồng với diễn biến tăng ở chỉ số cơ sở VN30 Index trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng các cổ phiếu trong rổ này

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

MWG

[Cập nhật ngành]

Thủy sản Việt Nam

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ và có thể chốt lời 1 phần trong trường hợp chỉ số tiến lên vùng đích kì vọng.

22/09/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	906.19	-0.19
VN30	852.72	+0.14
HĐTL VN30F1M	850.00	+0.24
HNXIndex	132.19	+1.23
HNX30	244.47	+1.27
UPCoM	60.66	-0.13
USD/VND	23,185	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.78	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.13	+4
Dầu (WTI, \$)	39.63	+0.81
Vàng (LME, \$)	1,900.69	-0.62



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 906.19 (-0.19%)
KLGD (triệu CP) 368.6 (+8.3%)
GTGD (triệu US\$) 291.0 (-12.6%)

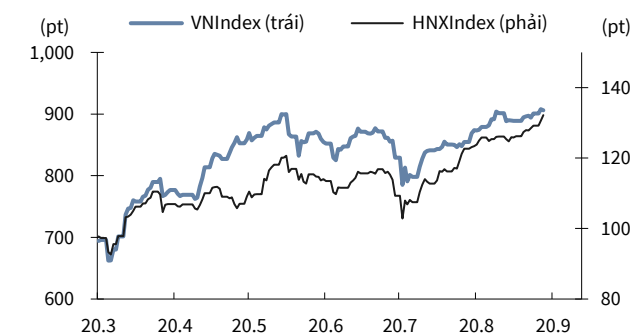
HNXIndex 132.19 (+1.23%)
KLGD (triệu CP) 66.7 (-3.8%)
GTGD (triệu US\$) 37.0 (+10.4%)

UPCoM 60.66 (-0.13%)
KLGD (triệu CP) 30.8 (-20.6%)
GTGD (triệu US\$) 15.1 (-15.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +4.0

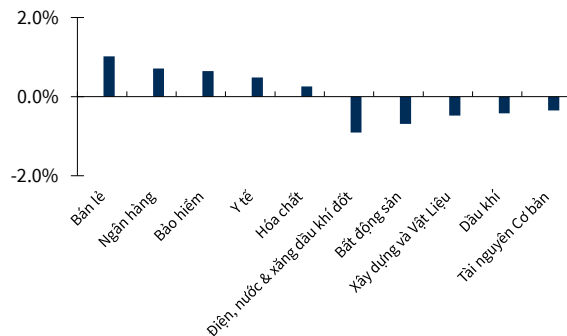
TTCK Việt Nam điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến giảm của TTCK toàn cầu trước các lo ngại về dịch Covid-19 quay trở lại ở Châu Âu. Áp lực chốt lời gia tăng khiến cả 3 cổ phiếu Vingroup đồng loạt điều chỉnh VIC (-1.5%), VHM (-0.4%), VRE (-0.9%). Cổ phiếu dệt may như MSH (-1.3%), TCM (-0.9%) cũng chịu áp lực giảm điểm trên diện rộng khi mà triển vọng đơn hàng xuất khẩu sang EU tiếp tục sụt giảm khi dịch Covid-19 có nguy cơ tái bùng phát. Thông tin từ Ngân hàng Nhà nước cho biết Hầu hết các TCTD đã đáp ứng an toàn vốn theo Basel II, tỷ lệ nợ xấu toàn hệ thống vẫn dưới 2% giúp nhóm cổ phiếu ngân hàng giao dịch tích cực hơn thị trường chung ở VCB (+1.2%), ACB (+1.4%). Riêng STB (+6.8%) tăng trần trước tin đồn tập đoàn Thaco mua vào 10% cổ phần ở mức giá cao hơn xấp xỉ 50% mức giá hiện tại. Diễn biến sụt giảm của giá dầu giúp nhóm cổ phiếu phân đạm tăng giá ở DCM (+2.6%), DPM (+1.2%). Nhà đầu tư nước ngoài có phiên mua ròng thứ 2 liên tiếp ở SSI (+0.3%), VNM (-0.4%), FUEVFN (0.2%).

VNIndex & HNXIndex



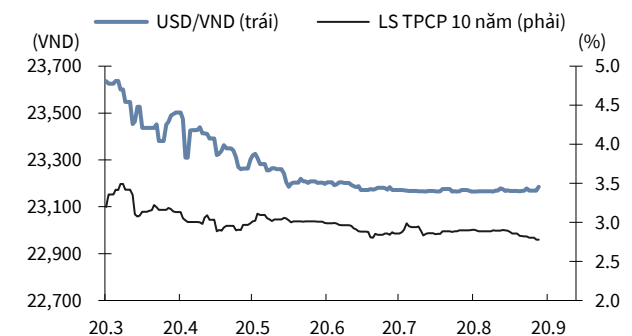
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



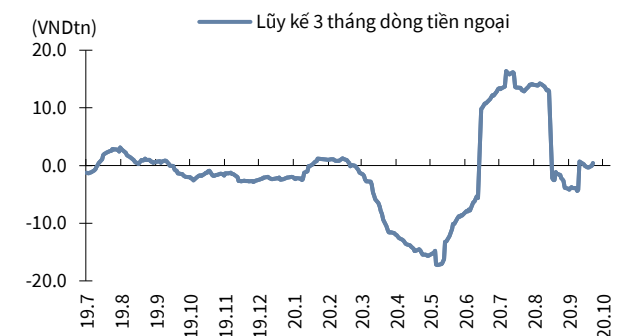
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



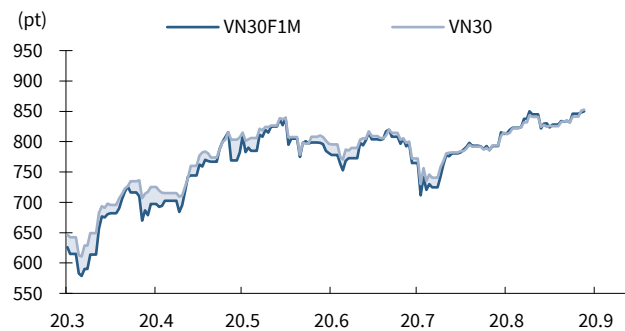
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	852.72 (+0.14%)
VN30F1M	850.0 (+0.24%)
Mở cửa	846.3
Cao nhất	853.5
Thấp nhất	845.1
KLGD (HĐ)	135,922 (+3.5%)

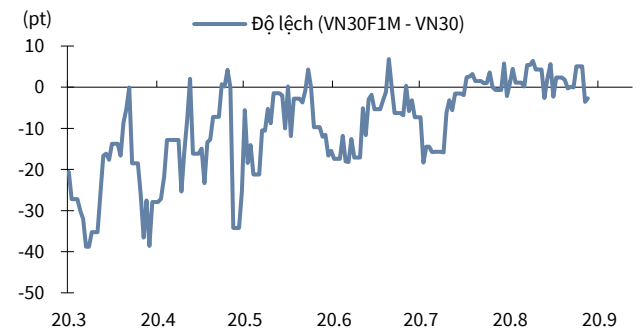
HĐTL tăng nhẹ, tương đồng với diễn biến tăng ở chỉ số cơ sở VN30 Index trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài quay trở lại mua ròng các cổ phiếu trong rổ này. Chênh lệch F2010 và VN30 mở cửa ở mức -5.44 và giảm xuống mức thấp nhất -6.24 khi thị trường cơ sở diễn biến giảm điểm đầu phiên, trước khi thu hẹp và đóng cửa ở mức -2.72. NĐTNN mua bán cân bằng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường không nhiều thay đổi, giữ ở mức trung bình.

HĐTL VN30F1M & VN30



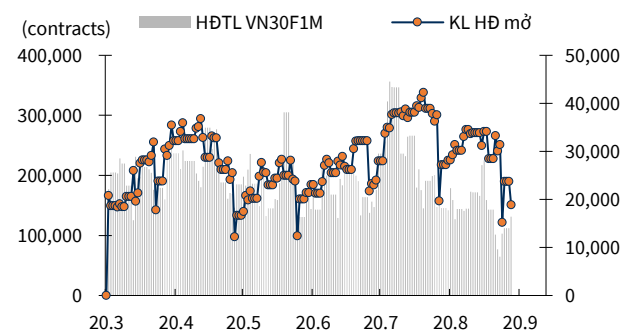
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



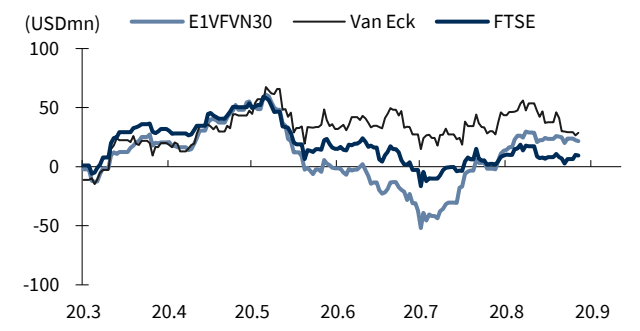
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

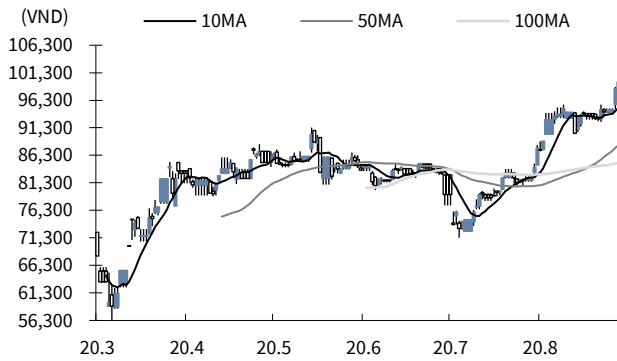
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Thế Giới Di Động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 1.2% lên 99,600 VNĐ/cp.
- MWG công bố KQKD tháng 8 với lợi nhuận sau thuế 325 tỷ (+14% YoY) và doanh thu 8,660 tỷ (+9% YoY). Công ty cho biết chuỗi Bách Hóa Xanh đã chủ động điều chỉnh tốc độ mở mới trong tháng 8 để tập trung tăng doanh số của các cửa hàng hiện hữu. Theo đó, chuỗi chỉ tăng thêm 34 cửa hàng để nâng tổng số điểm bán lên 1,595 vào cuối tháng 8. Trước đó doanh nghiệp mở mới trung bình khoảng 100 cửa hàng mỗi tháng trong quý II.
- Lũy kế 8 tháng, MWG đạt lợi nhuận sau thuế 2,697 tỷ (-1% YoY) và doanh thu 72,970 tỷ (+6% YoY), hoàn thành lần lượt 78% và 66% kế hoạch năm.

Thủy sản Việt Nam

Xuất khẩu tôm tháng 8 tiếp tục tăng trưởng dương

22/09/2020

Xuất khẩu tôm tháng 8 tăng 12% YoY & duy trì đà tăng trưởng dương từ tháng 2

Xuất khẩu tôm tiếp tục tăng trưởng dương trong tháng 8, đạt 394.6 triệu USD (+11.8% YoY). Tổng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam lũy kế 8 tháng đầu năm đạt gần 2.3 tỷ USD (+8.4% YoY) nhờ giành thêm thị phần tại các thị trường chính khi đối thủ cạnh tranh còn đang gặp khó khăn do đại dịch. Tôm chế biến được bán khá chạy tại các thị trường khi các nước này thực hiện giãn cách xã hội và làm gia tăng nhu cầu tự nấu ăn tại nhà (tôm thẻ chân trắng chế biến sẵn tăng 22.2% YoY, tôm sú chế biến tăng 32.7% YoY trong 8 tháng đầu năm). Như vậy, xuất khẩu tôm của Việt Nam hầu như không bị kiềm hãm bởi đại dịch và vẫn duy trì đà tăng trưởng dương từ tháng 2 tới nay.

Tiếp tục giành thị phần tại thị trường Mỹ giữa đại dịch & chiến tranh thương mại

Xuất khẩu tôm sang Mỹ đạt 109 triệu USD trong tháng 8, tăng 28.6% so với cùng kỳ năm trước do đối thủ cạnh tranh Ấn Độ tiếp tục gặp khó khăn do đại dịch. Ấn Độ đã trở thành nước có số ca mắc COVID-19 nhiều thứ 2 thế giới sau Mỹ và các nhà máy chế biến tôm tại Ấn Độ tiếp tục bị gián đoạn sản xuất. Ngoài ra, Việt Nam tiếp tục giành thị phần từ đối thủ Trung Quốc giữa cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ đã liên tục tăng trưởng dương từ tháng 10/2019 và lũy kế 8 tháng đầu năm nay đạt 544 triệu USD (+32.0% YoY).

Xuất khẩu tôm sang EU nhanh chóng phục hồi nhờ hiệp định EVFTA

Hiệp định EVFTA bắt đầu có hiệu lực từ tháng 8 đã đẩy nhanh xuất khẩu tôm Việt Nam sang thị trường EU, với giá trị xuất khẩu tôm tháng 8 đạt 58.8 triệu USD với mức tăng trưởng ấn tượng 15.5% YoY. Giá trị xuất khẩu tôm sang EU đã quay lại tăng nhẹ trong tháng 7 (tăng 2.1% YoY) sau khi giảm liên tục từ tháng 3 đến tháng 6 năm nay (so với cùng kỳ năm trước) do đại dịch. Hiệp định EVFTA sẽ xóa bỏ ngay thuế nhập khẩu 4.2% đối với tôm đông lạnh và hứa hẹn thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ tôm tại thị trường EU vốn khá nhạy cảm về giá. Tuy vậy, lũy kế 8 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu tôm sang EU vẫn còn giảm 1.6% YoY, đạt 313.7 triệu USD, nhưng chúng tôi kỳ vọng con số lũy kế này sẽ sớm tăng trưởng dương trong quý 4 sắp tới.

Tích cực duy trì

Khuyến nghị

CTCP Vĩnh Hoàn (VHC)	MUA
Giá hiện tại	42,400 VND
Giá mục tiêu	47,100 VND

CTCP Nam Việt (ANV)	MUA
Giá hiện tại	19,350 VND
Giá mục tiêu	21,700 VND

Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (MPC)	MUA
Giá hiện tại	31,100 VND
Giá mục tiêu	31,700 VND

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

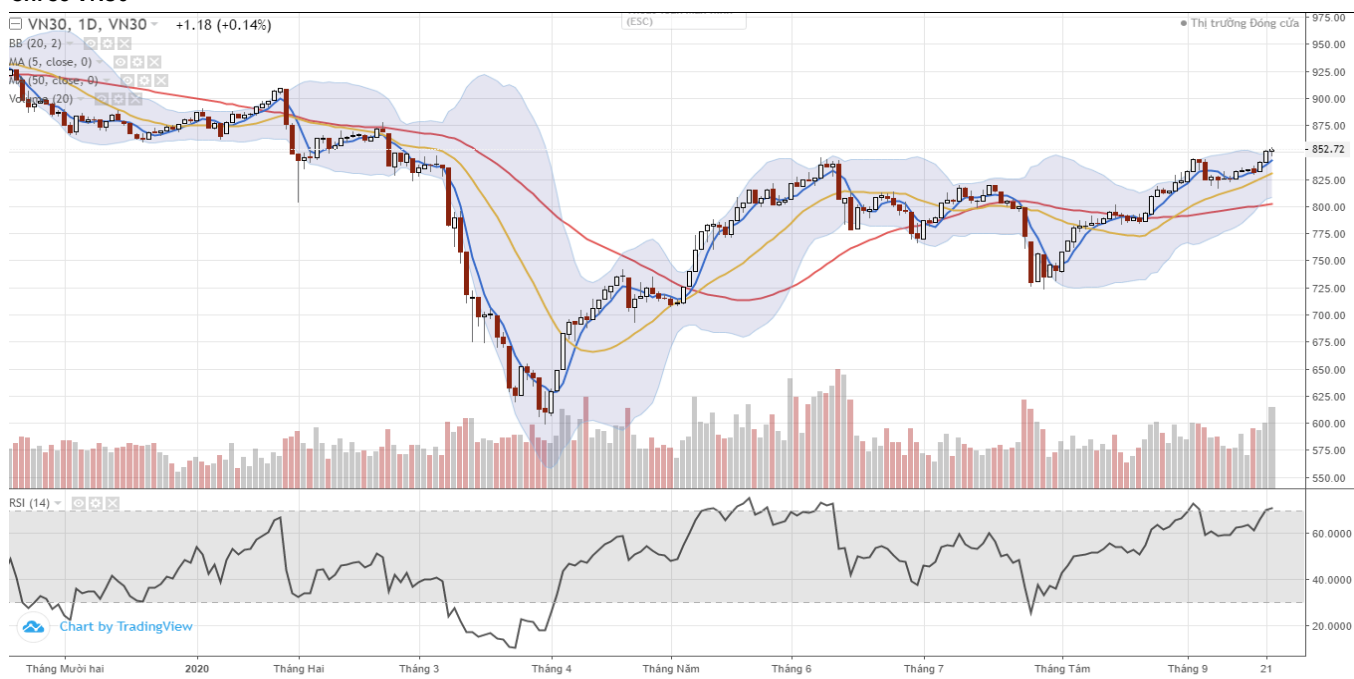
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co và hình thành mẫu nến spinning trong phiên hôm nay.
- Với việc nhận được phản ứng hỗ trợ tại vùng đỉnh cũ, chúng tôi nghiêng về khả năng sẽ mở rộng xu hướng tăng của chỉ số với đích kỳ vọng 920 - 925, mặc dù rung lắc mạnh có thể diễn ra khi chỉ số động lượng RSI đang ở gần vùng quá mua.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ và có thể chốt lời 1 phần trong trường hợp chỉ số tiến lên vùng đích kỳ vọng.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 diễn biến giống nhau và tăng nhẹ trong phiên hôm nay.
- Với việc nhận được phản ứng hỗ trợ tại vùng đỉnh cũ, chúng tôi nghiêng về khả năng sẽ mở rộng xu hướng tăng của chỉ số với đích kỳ vọng 860, mặc dù rung lắc mạnh có thể diễn ra khi chỉ số động lượng RSI đang tiến vào vùng quá mua.
- NĐT được khuyến nghị mở vị thế LONG tại những nhịp điều chỉnh về quanh các vùng hỗ trợ trong phiên hoặc mở vị thế SHORT khi chỉ số tiến lên vùng kháng cự đề cập.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

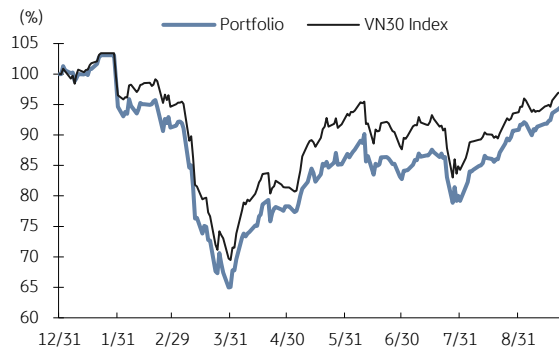
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.14%	0.26%
Tăng lũy kế (YTD)	-3.00%	-5.55%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/09/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	99,600	1.2%	-14.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,100	0.4%	4.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	60,900	-0.2%	-20.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	19,200	0.8%	-2.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	40,400	0.0%	18.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	51,300	0.2%	53.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,800	0.2%	5.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	106,700	0.2%	-17.4%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	25,550	-0.6%	30.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	13,900	0.4%	1.5%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	0.3%	48.8%	32.2
VNM	-0.4%	58.4%	29.7
FUEVFNVD	0.2%	99.4%	27.7
VJC	0.2%	17.7%	26.2
FUESSVFL	0.4%	99.1%	18.3
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
GAS	-1.2%	3.2%	-32.2
HPG	-0.6%	34.4%	-18.1
VHM	-0.4%	22.2%	-16.1
VND	1.5%	34.9%	-12.9
NLG	0.4%	48.4%	-11.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TIG	0.0%	14.6%	1.9
WCS	-0.6%	26.4%	0.3
IDV	-0.4%	15.2%	0.2
TMB	0.0%	0.1%	0.1
HHP	0.0%	1.6%	0.1
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	0.0%	5.1%	-1.1
PVS	4.7%	10.0%	-0.9
DXP	-2.4%	35.5%	-0.4
SLS	0.1%	3.2%	-0.4
LAS	-1.6%	1.1%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	6.0%	MWG, PET
Bảo hiểm	3.4%	BVH, BMI
Tài nguyên Cơ bản	3.2%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	2.1%	SSI, VCI
Ngân hàng	2.1%	VCB, TCB
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.4%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.5%	GAS, POW
Du lịch và Giải trí	-0.5%	HVN, VJC
Bất động sản	-0.1%	BCM, VIC
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.8%	TCM, GIL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	12.1%	MWG, DGW
Dịch vụ tài chính	9.3%	VCI, SSI
Hóa chất	7.3%	GVR, DCM
Du lịch và Giải trí	7.2%	VJC, HVN
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.0%	GEX, REE
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.3%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.9%	GAS, TTE
Y tế	1.2%	DCL, DBD
Bất động sản	2.1%	VHM, PTL
Dầu khí	2.3%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	94,600	319,978 (13,801)	63,817 (2.8)	22.8	51.6	37.9	21.9	6.6	8.7	3.7	3.3	-1.5	-0.4	9.9	-17.7
	VHM	VINHOMES JSC	76,800	252,635 (10,896)	168,955 (7.3)	26.8	9.4	8.1	35.1	38.7	31.2	3.0	2.2	-0.4	0.0	-3.4	-9.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,700	65,216 (2,813)	86,650 (3.7)	18.2	25.7	19.0	2.8	9.1	11.7	2.3	2.1	-0.9	-0.7	8.3	-15.6
	NVL	NO VA LAND INVES	63,800	61,951 (2,672)	83,735 (3.6)	32.7	17.0	17.7	1.8	14.3	11.9	2.4	-	-0.6	0.0	1.3	7.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,750	13,830 (597)	14,955 (0.6)	7.2	12.7	10.6	14.7	14.1	15.8	1.7	1.5	1.6	1.0	3.8	-3.4
	DXG	DAT XANH GROUP	10,500	5,442 (235)	44,516 (1.9)	13.9	7.7	5.2	-29.0	7.4	14.0	0.6	0.6	-0.5	4.0	13.6	-27.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	84,000	311,546 (13,437)	114,976 (5.0)	6.5	18.6	15.6	11.7	19.8	19.2	3.2	2.7	1.2	1.8	1.3	-6.9
	BID	BANK FOR INVESTM	40,700	163,696 (7,060)	56,631 (2.4)	12.5	34.8	20.1	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	-0.2	-0.1	4.5	-11.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,350	78,228 (3,374)	59,717 (2.6)	0.0	7.7	6.5	3.6	15.6	15.5	1.1	0.9	0.2	4.7	9.8	-5.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,800	96,064 (4,143)	129,946 (5.6)	0.0	13.9	11.3	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	0.2	1.6	6.2	23.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,400	57,043 (2,460)	101,439 (4.4)	0.0	7.2	6.2	3.3	17.3	16.4	1.1	1.0	0.2	1.5	6.8	17.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,200	46,299 (1,997)	109,003 (4.7)	0.0	6.3	5.4	8.0	18.0	17.6	1.0	0.9	0.8	6.1	11.0	-7.7
	HDB	HDBANK	30,900	29,847 (1,287)	38,755 (1.7)	9.5	7.4	6.5	20.1	20.2	20.1	1.3	1.1	0.7	3.3	13.6	12.2
	STB	SACOMBANK	12,550	22,636 (976)	133,752 (5.8)	14.5	13.9	8.8	1.6	6.8	9.0	0.8	0.7	6.8	8.2	13.6	24.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,900	19,516 (842)	23,615 (1.0)	0.0	6.8	5.4	26.3	22.5	20.2	1.2	1.0	0.8	4.1	8.6	13.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,050	20,962 (904)	5,230 (0.2)	0.1	36.7	35.2	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	0.0	0.9	0.6	-4.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,900	37,042 (1,598)	50,550 (2.2)	20.8	30.3	25.6	2.6	6.3	7.7	1.9	1.8	0.9	3.9	8.8	-27.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	25,100	2,293 (099)	10,978 (0.5)	14.1	-	-	-	8.2	9.1	1.0	1.0	-0.8	2.2	11.1	1.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	16,550	9,945 (429)	96,715 (4.2)	51.2	11.4	9.2	-16.8	9.0	10.6	1.0	0.9	0.3	4.7	12.6	6.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	29,400	4,865 (210)	27,119 (1.2)	71.5	10.5	8.2	-24.9	11.1	13.0	1.1	1.0	-0.7	4.3	27.3	-0.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	20,550	6,269 (270)	68,323 (2.9)	51.0	14.1	8.7	-22.5	11.0	17.1	1.4	1.3	-0.2	3.0	13.9	-3.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	13,300	2,773 (120)	11,039 (0.5)	14.1	12.0	7.5	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.8	1.5	4.3	14.7	-7.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	129,600	225,683 (9,734)	180,524 (7.8)	41.6	21.7	20.2	6.6	37.8	38.2	7.5	6.7	-0.4	3.8	12.1	11.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	189,000	121,202 (5,228)	20,500 (0.9)	36.8	29.2	24.9	0.6	21.6	23.8	5.9	5.3	-0.5	0.4	5.2	-17.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,300	63,785 (2,751)	71,790 (3.1)	10.9	72.4	28.3	-57.2	2.2	6.2	1.6	1.7	-0.4	-2.0	3.2	-3.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,100	13,414 (579)	29,842 (1.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.4	-4.0	-12.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	106,700	55,894 (2,411)	52,053 (2.2)	12.3	-	16.2	-	8.9	21.4	3.5	3.2	0.2	-0.2	7.1	-27.0
	GMD	GEMADEPT CORP	23,650	7,022 (303)	15,583 (0.7)	0.0	18.1	16.6	-54.7	6.9	7.4	1.2	1.2	-0.8	0.6	3.1	1.5
	CII	HO CHI MINH CITY	18,350	4,383 (189)	28,000 (1.2)	34.6	9.2	8.6	142.2	9.6	9.4	0.8	0.8	-0.5	1.4	2.5	-18.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,110	1,198 (052)	11,870 (0.5)	46.9	-	-	-	-	-	-	-	-1.9	-4.1	-5.8	-87.8
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	24,900	11,702 (505)	205,659 (8.9)	34.3	30.5	13.1	-20.9	10.5	13.6	-	-	1.4	-1.8	17.5	28.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	72,700	5,546 (239)	47,298 (2.0)	2.2	9.6	9.6	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.6	-1.2	-0.3	-6.9	41.7
	REE	REE	40,400	12,526 (540)	17,785 (0.8)	0.0	8.2	7.3	-9.9	13.4	14.0	1.1	1.0	0.0	3.7	13.5	11.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường	GTGD	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				(VNĐtỷ, USDmn)	(VNĐtriệu, USDmn)		20E	21E	CAGR (%)	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	71,900	137,613 (5,935)	48,886 (2.1)	45.8	18.4	14.4	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	-1.2	-0.6	-0.1	-23.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,600	6,794 (293)	6,461 (0.3)	30.0	9.7	9.6	-2.8	16.8	17.4	1.6	1.6	0.4	-1.5	4.2	9.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,900	7,663 (331)	5,530 (0.2)	32.9	8.2	8.7	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	-0.8	-1.8	1.9	-11.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	25,550	84,654 (3,651)	342,210 (14.8)	14.6	8.9	7.5	4.1	17.9	18.8	1.5	1.3	-0.6	3.4	4.9	30.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,600	6,496 (280)	61,456 (2.7)	37.3	10.8	11.7	-0.7	8.9	7.9	0.8	0.8	1.2	-2.9	7.8	28.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	10,250	5,426 (234)	24,389 (1.1)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	2.6	2.0	13.5	57.7
	HSG	HOA SEN GROUP	14,200	6,310 (272)	147,901 (6.4)	39.1	7.6	7.6	45.8	14.4	12.5	1.0	0.9	2.2	9.2	21.9	90.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,150	2,566 (111)	33,776 (1.5)	97.7	5.7	6.6	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	0.0	-0.8	-0.8	-4.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,400	61,428 (2,649)	83,521 (3.6)	4.1	49.0	18.0	-40.0	5.8	15.1	2.5	2.2	-0.6	1.8	8.3	-10.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,450	4,822 (208)	69,844 (3.0)	37.1	44.9	23.0	-15.6	0.9	0.8	0.4	0.3	1.8	3.2	9.6	-23.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	12,400	3,490 (151)	25,756 (1.1)	28.8	8.1	7.1	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.6	0.0	2.5	13.8	-26.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	99,600	45,087 (1,945)	100,312 (4.3)	0.0	12.5	9.6	10.1	26.8	28.0	2.9	2.4	1.2	7.2	21.5	-12.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	60,900	13,710 (591)	38,934 (1.7)	0.0	15.6	13.1	-1.8	21.3	23.2	2.7	2.5	-0.2	1.7	8.2	-29.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	49,000	1,446 (062)	641 (0.0)	69.3	20.6	15.0	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.2	0.0	-1.4	1.4	32.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	25,300	1,998 (086)	19,131 (0.8)	13.2	16.9	11.4	-41.1	9.1	12.6	1.4	1.3	0.0	2.0	9.3	20.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	57,500	7,791 (336)	63,871 (2.8)	36.0	7.4	7.1	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	0.0	-2.9	-2.4	50.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	106,000	13,859 (598)	1,255 (0.1)	45.2	20.8	19.2	8.0	20.3	19.8	3.9	3.7	1.6	2.9	7.1	15.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	70,100	5,258 (227)	2,943 (0.1)	37.9	14.9	-	7.3	16.4	-	2.4	-	0.9	-0.1	0.0	29.1
IT	FPT	FPT CORP	51,300	40,214 (1,734)	103,347 (4.5)	0.0	11.8	10.1	18.3	23.9	25.0	2.5	2.2	0.2	2.6	8.2	1.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhthd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglth@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.